

**Phụ lục 01**

**KINH PHÍ THỰC HIỆN TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH 154/2025/NĐ-CP KHỎI XÃ (ĐỢT 3)**

*(Kèm theo Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 20/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

*ĐVT: đồng*

| TT  | Đơn vị                    | Kinh phí chi trả     |                      |                | Nguồn kinh phí chi trả |                      |                                     |                                       |
|-----|---------------------------|----------------------|----------------------|----------------|------------------------|----------------------|-------------------------------------|---------------------------------------|
|     |                           | Tổng số              | Trong đó             |                | Tổng số                | Nguồn đơn vị chi trả | Nguồn NSNN cấp                      |                                       |
|     |                           |                      | Nghỉ hưu trước tuổi  | Thôi việc ngay |                        |                      | Từ nguồn cải cách tiền lương của xã | Từ nguồn cải cách tiền lương của tỉnh |
| (1) | (2)                       | (4)=(5)+(6)          | (5)                  | (6)            | (7)=(8)+(9)+(10)       | (8)                  | (9)                                 | (10)                                  |
| 1   | Xã Thọ Phong              | 412.582.248          | 412.582.248          |                | 412.582.248            |                      |                                     | 412.582.248                           |
| 2   | Xã Nghĩa Giang            | 451.499.128          | 451.499.128          |                | 451.499.128            |                      |                                     | 451.499.128                           |
| 3   | Xã Ba Đình                | 920.244.632          | 920.244.632          |                | 920.244.632            |                      |                                     | 920.244.632                           |
| 4   | Xã Long Phụng             | 1.978.017.093        | 1.978.017.093        |                | 1.978.017.093          |                      |                                     | 1.978.017.093                         |
| 5   | Phường Trương Quang Trọng | 595.136.880          | 595.136.880          |                | 595.136.880            |                      |                                     | 595.136.880                           |
| 6   | Xã Đăk Pxi                | 635.684.306          | 635.684.306          |                | 635.684.306            |                      |                                     | 635.684.306                           |
| 7   | Xã Tây Trà Bồng           | 395.980.416          | 395.980.416          |                | 395.980.416            |                      |                                     | 395.980.416                           |
| 8   | Xã Phước Giang            | 630.356.806          | 630.356.806          |                | 630.356.806            |                      |                                     | 630.356.806                           |
| 9   | Xã An Phú                 | 251.879.355          | 251.879.355          |                | 251.879.355            |                      |                                     | 251.879.355                           |
| 10  | Xã Vệ Giang               | 1.526.290.448        | 1.526.290.448        |                | 1.526.290.448          |                      |                                     | 1.526.290.448                         |
| 11  | Xã Sơn Hạ                 | 416.260.026          | 416.260.026          |                | 416.260.026            |                      |                                     | 416.260.026                           |
| 12  | Xã Trà Giang              | 513.315.633          | 513.315.633          |                | 513.315.633            |                      |                                     | 513.315.633                           |
|     | <b>TỔNG CỘNG</b>          | <b>8.727.246.971</b> | <b>8.727.246.971</b> | <b>0</b>       | <b>8.727.246.971</b>   | <b>0</b>             | <b>0</b>                            | <b>8.727.246.971</b>                  |

PHỤ LỤC 02

DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH 154/2025/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ ĐỢT 3 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 20/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| TT  | Họ và tên                      | Ngày tháng năm sinh | Trình độ đào tạo          | Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm | Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng |                 | Phụ cấp chức vụ (nếu có) |                 | Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có) |                 | Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) |                 | Hệ số chênh lệch bảo lưu lương (nếu có) |                 | Số năm đóng BHXH theo số BHXH | Tiền lương tháng hiện hưởng (đồng) | Tuổi khi giải quyết tính giảm biên chế | Thời điểm tính giảm biên chế | Số năm nghỉ hưu trước tuổi | Kinh phí để thực hiện tính giảm biên chế (đồng) |                                                |                                   |                                     |
|-----|--------------------------------|---------------------|---------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|---------------------------------|-----------------|---------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------|-----------------|-------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|
|     |                                |                     |                           |                                     | Hệ số lương                                               | Thời điểm hưởng | Hệ số                    | Thời điểm hưởng | Mức phụ cấp                     | Thời điểm hưởng | Mức phụ cấp                           | Thời điểm hưởng | Hệ số                                   | Thời điểm hưởng |                               |                                    |                                        |                              |                            | Tổng cộng                                       | Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi | Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH | Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH |
| 1   | 2                              | 3                   | 4                         | 5                                   | 6                                                         | 7               | 8                        | 9               | 10                              | 11              | 12                                    | 13              | 14                                      | 15              | 16                            | 17                                 | 18                                     | 19                           | 20                         | 21=22+13+24                                     | 22                                             | 23                                | 24                                  |
| I   | Xã Thọ Phong                   |                     |                           |                                     |                                                           |                 |                          |                 |                                 |                 |                                       |                 |                                         |                 |                               |                                    |                                        |                              |                            | 412.582.248                                     | 242.695.440                                    | 80.898.480                        | 88.988.328                          |
| *   | Trường Tiểu học Tịnh Thọ       |                     |                           |                                     |                                                           |                 |                          |                 |                                 |                 |                                       |                 |                                         |                 |                               |                                    |                                        |                              |                            |                                                 |                                                |                                   |                                     |
| 1   | Hà Thị Nhung                   | 10-11-1970          | Đại học                   | Giáo viên                           | 5,36                                                      | 01-06-2025      |                          |                 | 29%                             | 01/5/2025       |                                       |                 |                                         |                 | 30 năm 11 tháng               | 16.179.696                         | 54 tuổi 09 tháng                       | 01/9/2025                    | 2 năm 11 tháng             | 412.582.248                                     | 242.695.440                                    | 80.898.480                        | 88.988.328                          |
| II  | Xã Nghĩa Giang                 |                     |                           |                                     |                                                           |                 |                          |                 |                                 |                 |                                       |                 |                                         |                 |                               |                                    |                                        |                              |                            | 451.499.128                                     | 291.289.760                                    | 72.822.440                        | 87.386.928                          |
| *   | Trường Tiểu học Nghĩa Kỳ Bắc   |                     |                           |                                     |                                                           |                 |                          |                 |                                 |                 |                                       |                 |                                         |                 |                               |                                    |                                        |                              |                            |                                                 |                                                |                                   |                                     |
| 2   | Võ Thị Can                     | 04-05-1971          | Cao đẳng Sư phạm tiểu học | Giáo viên                           | 4,06                                                      | 01/07/2015      | 0,2                      | 04/09/2024      | 30%                             | 01/04/2025      | 13%                                   | 01/07/2025      |                                         |                 | 31 năm 11 tháng               | 14.564.488                         | 54 tuổi 3 tháng                        | 01/9/2025                    | 3 năm 9 tháng              | 451.499.128                                     | 291.289.760                                    | 72.822.440                        | 87.386.928                          |
| III | Xã Ba Đình                     |                     |                           |                                     |                                                           |                 |                          |                 |                                 |                 |                                       |                 |                                         |                 |                               |                                    |                                        |                              |                            | 920.244.632                                     | 554.410.170                                    | 140.141.780                       | 225.692.682                         |
| *   | Trường PTDTBT TH&THCS Ba Giang |                     |                           |                                     |                                                           |                 |                          |                 |                                 |                 |                                       |                 |                                         |                 |                               |                                    |                                        |                              |                            |                                                 |                                                |                                   |                                     |
| 3   | Huỳnh Văn Hưng                 | 10/12/1967          | Trung cấp                 | Giáo viên tiểu học                  | 4,06                                                      | 01/10/2010      |                          |                 | 15%                             | 02/3/2025       | 17%                                   | 01-10-2024      |                                         |                 | 40 năm 10 tháng               | 12.782.788                         | 57 tuổi 8 tháng                        | 01-09-2025                   | 4 năm 04 tháng             | 485.745.944                                     | 287.612.730                                    | 63.913.940                        | 134.219.274                         |
| 4   | Trần Thị Thúy                  | 01/01/1971          | Cao đẳng                  | Giáo viên tiểu học                  | 4,89                                                      | 01-01-2024      | 0,2                      | 01-09-2024      | 28%                             | 01-11-2024      |                                       |                 |                                         |                 | 32 năm                        | 15.245.568                         | 54 tuổi 7 tháng                        | 01-09-2025                   | 3 năm 01 tháng             | 434.498.688                                     | 266.797.440                                    | 76.227.840                        | 91.473.408                          |
| IV  | Xã Long Phụng                  |                     |                           |                                     |                                                           |                 |                          |                 |                                 |                 |                                       |                 |                                         |                 |                               |                                    |                                        |                              |                            | 1.978.017.093                                   | 1.259.524.305                                  | 323.963.640                       | 394.529.148                         |
| *   | Trường THCS Đức Hiệp           |                     |                           |                                     |                                                           |                 |                          |                 |                                 |                 |                                       |                 |                                         |                 |                               |                                    |                                        |                              |                            |                                                 |                                                |                                   |                                     |
| 5   | Nguyễn Minh Tấnh               | 16/04/1967          | Đại học                   | Giáo viên                           | 5,7                                                       | 01/12/2024      |                          |                 | 31%                             | 01/01/2025      |                                       |                 |                                         |                 | 33 năm 11 tháng               | 17.472.780                         | 58 tuổi 4 tháng                        | 01/09/2025                   | 3 năm 8 tháng              | 559.128.960                                     | 349.455.600                                    | 87.363.900                        | 122.309.460                         |
| 6   | Phan Thị Sen                   | 02/05/1971          | Cao đẳng                  | Giáo viên                           | 4,89                                                      | 01/05/2024      | 0,15                     | 01-09-2024      | 27%                             | 01/11/2024      |                                       |                 |                                         |                 | 29 năm 10 tháng               | 14.977.872                         | 54 tuổi 3 tháng                        | 01/09/2025                   | 3 năm 9 tháng              | 449.336.160                                     | 299.557.440                                    | 74.889.360                        | 74.889.360                          |
| 7   | Cao Thị Mỹ Vân                 | 21/03/1971          | Cao đẳng                  | Giáo viên                           | 4,89                                                      | 01/01/2025      |                          |                 | 27%                             | 01/11/2024      |                                       |                 |                                         |                 | 29 năm 10 tháng               | 14.532.102                         | 54 tuổi 5 tháng                        | 01/09/2025                   | 3 năm 3 tháng              | 399.632.805                                     | 254.311.785                                    | 72.660.510                        | 72.660.510                          |
| *   | Trường THCS Nguyễn Bá Loan     |                     |                           |                                     |                                                           |                 |                          |                 |                                 |                 |                                       |                 |                                         |                 |                               |                                    |                                        |                              |                            |                                                 |                                                |                                   |                                     |
| 8   | Nguyễn Văn Chương              | 19-06-1967          | ĐHSP                      | Hiệu trưởng                         | 5,36                                                      | 01-01-2024      | 0,45                     | 02-09-2020      | 31%                             | 01-01-2025      |                                       |                 |                                         |                 | 33 năm 11 tháng               | 17.809.974                         | 58 tuổi 02 tháng                       | 01-09-2025                   | 3 năm 10 tháng             | 569.919.168                                     | 356.199.480                                    | 89.049.870                        | 124.669.818                         |



| TT  | Họ và tên                 | Ngày tháng năm sinh | Trình độ đào tạo | Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm | Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng |                 | Phụ cấp chức vụ (nếu có) |                 | Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có) |                 | Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) |                 | Hệ số chênh lệch bảo lưu lương (nếu có) |                 | Số năm đóng BHXH theo số BHXH | Tiền lương tháng hiện hưởng (đồng) | Tuổi khi giải quyết tính gián biên chế | Thời điểm tính gián biên chế | Số năm nghỉ hưu trước tuổi | Kinh phí để thực hiện tính gián biên chế (đồng) |                                                |                                   |                                     |
|-----|---------------------------|---------------------|------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|---------------------------------|-----------------|---------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------|-----------------|-------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|
|     |                           |                     |                  |                                     | Hệ số lương                                               | Thời điểm hưởng | Hệ số                    | Thời điểm hưởng | Mức phụ cấp                     | Thời điểm hưởng | Mức phụ cấp                           | Thời điểm hưởng | Hệ số                                   | Thời điểm hưởng |                               |                                    |                                        |                              |                            | Tổng cộng                                       | Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi | Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH | Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH |
| 1   | 2                         | 3                   | 4                | 5                                   | 6                                                         | 7               | 8                        | 9               | 10                              | 11              | 12                                    | 13              | 14                                      | 15              | 16                            | 17                                 | 18                                     | 19                           | 20                         | 21=22+13+24                                     | 22                                             | 23                                | 24                                  |
| 15  | Đình Thị Kim Cúc          | 14/11/1970          | Cao đẳng         | Giáo viên                           | 4,89                                                      | 01/5/2023       | 0,20                     | 07/08/2024      | 29%                             | 01/5/2025       |                                       |                 |                                         |                 | 30 năm 10 tháng               | 15.364.674                         | 54 tuổi 9 tháng                        | 01/9/2025                    | 2 năm 11 tháng             | 391.799.187                                     | 230.470.110                                    | 76.823.370                        | 84.505.707                          |
| *   | Trường Mầm non Nghĩa Mỹ   |                     |                  |                                     |                                                           |                 |                          |                 |                                 |                 |                                       |                 |                                         |                 |                               |                                    |                                        |                              |                            |                                                 |                                                |                                   |                                     |
| 16  | Đoàn Thị Khiêm            | 15/7/1970           | Đại học          | Giáo viên                           | 4,27                                                      | 21/11/2023      |                          |                 | 30%                             | 01/01/2025      |                                       |                 |                                         |                 | 30 năm 8 tháng                | 12.989.340                         | 55 tuổi 01 tháng                       | 01/9/2025                    | 2 năm 3 tháng              | 298.754.820                                     | 162.366.750                                    | 64.946.700                        | 71.441.370                          |
| *   | Trường Mầm non Nghĩa Hiệp |                     |                  |                                     |                                                           |                 |                          |                 |                                 |                 |                                       |                 |                                         |                 |                               |                                    |                                        |                              |                            |                                                 |                                                |                                   |                                     |
| 17  | Huỳnh Thị Phở             | 16/01/1972          | Đại học          | Giáo viên                           | 4,58                                                      | 03/6/2024       |                          |                 | 23%                             | 01/01/2025      |                                       |                 |                                         |                 | 23 năm 8 tháng                | 13.182.156                         | 53 tuổi 7 tháng                        | 01/9/2025                    | 4 năm 9 tháng              | 421.828.992                                     | 329.553.900                                    | 65.910.780                        | 26.364.312                          |
| XI  | Xã SON HẠ                 |                     |                  |                                     |                                                           |                 |                          |                 |                                 |                 |                                       |                 |                                         |                 |                               |                                    |                                        |                              |                            | 416.260.026                                     | 301.637.700                                    | 60.327.540                        | 54.294.786                          |
| *   | Trường Tiểu học Sơn Thành |                     |                  |                                     |                                                           |                 |                          |                 |                                 |                 |                                       |                 |                                         |                 |                               |                                    |                                        |                              |                            |                                                 |                                                |                                   |                                     |
| 18  | Nguyễn Văn Phong          | 16/8/1968           | Cao đẳng         | Giáo viên                           | 4,06                                                      | 01-01-2025      |                          |                 | 27%                             | 01-10-2024      |                                       |                 |                                         |                 | 28 năm 8 tháng                | 12.065.508                         | 57 tuổi                                | 01/9/2025                    | 5 năm                      | 416.260.026                                     | 301.637.700                                    | 60.327.540                        | 54.294.786                          |
| XII | Xã TRÀ GIANG              |                     |                  |                                     |                                                           |                 |                          |                 |                                 |                 |                                       |                 |                                         |                 |                               |                                    |                                        |                              |                            | 513.315.633                                     | 351.586.050                                    | 70.317.210                        | 91.412.373                          |
| *   | Trường Tiểu học Nghĩa Lâm |                     |                  |                                     |                                                           |                 |                          |                 |                                 |                 |                                       |                 |                                         |                 |                               |                                    |                                        |                              |                            |                                                 |                                                |                                   |                                     |
| 19  | Nguyễn Thị Kim Anh        | 05/01/1972          | Cao đẳng sư      | Giáo viên                           | 4,06                                                      | 01/01/2015      |                          |                 | 31%                             | 01/06/2025      | 13%                                   | 01/01/2025      |                                         |                 | 32 năm 9 tháng                | 14.063.442                         | 53 tuổi 7 tháng                        | 01/9/2025                    | 4 năm 9 tháng              | 513.315.633                                     | 351.586.050                                    | 70.317.210                        | 91.412.373                          |
|     | TỔNG CỘNG                 |                     |                  |                                     |                                                           |                 |                          |                 |                                 |                 |                                       |                 |                                         |                 |                               |                                    |                                        |                              |                            | 8.727.246.971                                   | 5.643.845.527                                  | 1.395.306.326                     | 1.688.095.118                       |